TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẠC DƯƠNG** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 30/9/2024
V/v "Tranh chấp ly hôn và nợ chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC DƯƠNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: - Bà Phạm Phương Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Rơ Ông Đi Na

- Ông Dương Văn Nhuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 35/2024/TLST – HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024 và thụ lý bổ sung số 35A/TLST-HNGĐ ngày 15/8/2024 về việc "*Tranh chấp ly hôn và nợ chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1998; Nơi cư trú: Thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Minh P, sinh năm 1997; nơi đăng ký HKTT: Thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện nay đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ - Công an huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng N1. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V, chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Khánh N, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N1 – Chi nhánh B1, H (Văn bản ủy quyền số 2665/QĐ-NHNNo- PC ngày 01/12/2022 của Ngân hàng N1). Địa chỉ: Thôn S, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (gọi tắt là Ngân hàng A – Chi nhánh B1).

Các đương sự vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn ngày 09 tháng 7 năm 2024 và bản tự khai của nguyên đơn là chị Phạm Thị T trình bày:* Chị và anh Nguyễn Minh P đang ký kết hôn vào năm 2019 tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tôn trọng nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng. Từ năm 2022 cho đến nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm nhau. Hiện nay anh P đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ - Công an huyện L; chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Minh P.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là: Nguyễn Gia B, sinh ngày 24/7/2019. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con, chị không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định vợ chồng có vay Ngân hàng A – Chi nhánh B1, H, số tiền là 300.000.000 đồng, theo hợp đồng tín dụng số 3713-LAV-202200311 ngày 15/02/2022; thời hạn vay là 36 tháng, kể từ ngày ký kết hợp đồng; tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số DC 426114 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh H cấp ngày 20/8/2021 cho vợ chồng chị (anh Nguyễn Minh P và Phạm Thị T) Đến ngày 05/8/2024 số tiền vợ chồng chị còn nợ lại Ngân hàng là nợ gốc là 247.941.368 đồng và lãi phát sinh. Khi ly hôn chị có trách nhiệm trả 1/2 số nợ trên cho Ngân hàng. Trường hợp vợ chồng chị vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì đồng ý để Ngân hàng xử lý tài sản theo hợp đồng đã ký kết.

** Bị đơn anh Nguyễn Minh P tại bản tự khai trình bày:* Anh thừa nhận quan hệ hôn nhân như chị Phạm Thị T trình bày. Anh và chị T kết hôn vào năm 2019 tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Hiện nay anh đang bị tam giam tại nhà tạm giữ - Công an huyện L về hành vi mua bán trái phép chất ma túy; anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

- Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là: Nguyễn Gia B, sinh ngày 24/7/2019. Khi ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị Phạm Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho đến khi con trưởng thành, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Anh xác định: Vợ chồng anh có vay Ngân hàng A – Chi nhánh B1, H, số tiền là 300.000 đồng, khi vay có thế chấp quyền sử dụng đất là tài sản chung của vợ chồng, đúng như chị T trình bày. Khi ly hôn anh có trách nhiệm thanh toán ½ số nợ trên và tiền lãi phát sinh theo quy định của ngân hàng và đồng ý để Ngân hàng xử lý tài sản nếu vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng A – Chi nhánh B1, do ông Trần Khánh N, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh trình bày tại Đơn khởi kiện:*

Ngày 15/02/2022 Ngân hàng A – Chi nhánh B1, Hà Tĩnh II cho vợ chồng anh Nguyễn Minh P, chị Phạm Thị T vay số tiền 300.000.000 đồng, theo hợp đồng tín dụng số 3713-LAV-202200311 (kèm báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ ngày 15/02/2022; thời hạn vay là 36 tháng, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 15/02/2025; lãi suất cho vay: 9%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn) và Hợp đồng thế chấp số 3713-LCL-202200319 ngày 14/02/2022, tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số DC 426114 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh H cấp ngày 20/8/2021 cho anh Nguyễn Minh P và chị Phạm Thị T.

Qúa trình vay nợ, vợ chồng anh P, chị T đã trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 52.058.632 đồng và lãi đã nộp là 69.538.667 đồng (lãi trả tính đến 30/6/2024).

Hiện nay anh P, chị T còn nợ Ngân hàng 247.941.368 đồng nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 30/9/2024 số tiền là 1.793.330 đồng. Đề nghị Toà án buộc bên vay phải thanh toán nợ vay cho ngân hàng khi Toà án giải quyết tranh chấp ly hôn; đồng thời tiếp tục phải chịu lãi suất theo hợp đồng đã ký kết. Trường hợp vợ chồng anh P, chị T không có khả năng thanh toán nợ trên cho Ngân hàng đúng hạn thì đề nghị Tòa án xử lý tài sản thế chấp, tại Hợp đồng thế chấp số 3713-LCL-202200319 ngày 14/02/2022 theo quy định của pháp luật.

Tòa án nhân dân huyện Lạc Dương không tiến hành hòa giải được, do các đương sự vắng mặt (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Dương phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không có ý kiến gì.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Minh P. Giao con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 24/7/2019 cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Minh P không phải cấp dưỡng nuôi con. Về nợ chung đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị T và anh P liên đới trả nợ cho Ngân hàng A – Chi nhánh B1, H, với số tiền 247.941.368 đồng nợ gốc và lãi phát sinh theo quy định.

- Về án phí: Buộc các đương sự phải chịu tiền hôn nhân gia đình và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị T đối với anh Nguyễn Minh P là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình và tranh chấp về nợ chung trong vụ án ly hôn. Bị đơn cư trú tại thị trấn L, huyện L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạc Dương, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, các bên đương sự vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt) nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 27/2019 ngày 29 tháng 3 năm 2019 của UBND xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh và kết quả ủy thác xác minh của Toà án tại UBND xã K, huyện K, tĩnh H, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị T đối với anh Nguyễn Minh P là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị T: Các đương sự xác định vợ chồng có mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở để xem xét.

[4]. Về con chung: Các đương sự cùng xác định, có 01 con chung Nguyễn Gia B, sinh ngày 24/7/2019. Hai bên cùng thống nhất giao cháu Nguyễn Gia B cho chị Phạm Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Minh P không phải cấp dưỡng nuôi con. Cần chấp nhận đề nghị này.

[5]. Về tài sản chung: Các đương sự cùng xác định tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[6]. Về nợ chung: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Minh P và Ngân hàng A – Chi nhánh B1, Hà Tĩnh II xác định: Hiện nay anh P, chị T còn nợ Ngân hàng A – Chi nhánh B1, Hà Tĩnh II số tiền 249.734.698 đồng (trong đó 247.941.369 đồng tiền gốc và 1.793.330 đồng nợ lãi, tiền lãi được tính đến ngày 30/9/2024). Hội đồng xét xử xác định đây là nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nên cần buộc các bên cùng có nghĩa vụ như nhau đối với khoản nợ vay, cụ thể: Chị T, anh P, mỗi người phải trả cho Ngân hàng A – Chi nhánh B1, Hà Tĩnh II là 124.867.349 đồng (trong đó: tiền gốc là 123.970.684,5 đồng và tiền lãi 896.665 đồng). Chị T, anh P tiếp tục phải chịu tiền lãi tính từ 01/10/2024 trên số tiền gốc mỗi người phải trả cho ngân hàng; kỳ hạn trả nợ được tính theo hợp đồng tín dụng số 3713-LAV-202200311 ngày 15/02/2022. Việc xử lý tài sản thế chấp như Hợp đồng thế chấp số 3713-LCL-202200319 ngày 14/02/2022 mà các bên đã ký kết.

[7]. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí hôn nhân gia đình và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các điều 27, 37, 51, 57, 58 và Điều 60 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào các điều 463, 466 và 470 củ Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị T: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Minh P được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 24/7/2019 cho chị Phạm Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con trưởng thành. Anh Nguyễn Minh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về nợ chung: Buộc chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Minh P phải có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng A – Chi nhánh B1, Hà Tĩnh II số tiền là 249.734.689 đồng (trong đó số tiền nợ gốc 247.941.369 đồng, số tiền nợ lãi là 1.793.330 đồng). Cụ thể mỗi người phải trả cho Ngân hàng là 124.867.349 (trong đó: tiền gốc là 123.970.684,5 đồng và tiền lãi 896.665 đồng), tiền lãi tính đến ngày 30/9/2024. Chị T, anh P tiếp tục phải chịu tiền lãi từ ngày 01/10/2024 theo mức lãi suất của hợp đồng vay đã ký kết.

Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 3713-LCL-202200319 ngày 14/02/2022 ký kết giữa anh Nguyễn Minh P, chị Phạm Thị T với Ngân hàng A – Chi nhánh B1, H, đối với diện tích đất là 307,7m^2, thuộc thửa đất số 640, tờ bản đồ số 45, tọa lạc tại thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 426114 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh H cấp ngày 20/8/2021 cho anh Nguyễn Minh P và chị Phạm Thị T. Trường hợp bên vay vi phạm nghĩa vụ như đã cam kết thì Ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 6.243.367 đồng (Sáu triệu hai trăm bốn mươi ba ngàn, ba trăm sáu mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002091 ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Dương. Chị Phạm Thị Thanh C phải nộp 6.243.367 đồng (Sáu triệu hai trăm bốn mươi ba ngàn, ba trăm sáu mươi bảy đồng). Anh Nguyễn Minh P phải chịu

6.243.367 đồng (Sáu triệu hai trăm bốn mươi ba ngàn, ba trăm sáu mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng A – Chi nhánh B1, Hà Tĩnh II số tiền tạm ứng án phí là 6.265.784 đồng (sáu triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn bảy trăm tám mươi tư đồng) theo biên lai thu tiền số 0002099 ngày 15/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Dương.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lạc Dương;
- Chi cục THADS huyện Lạc Dương;
- UBND xã Kỳ Phú, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Lưu AV – HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Phương Dung